

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

**Địa chỉ: Số 05 lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP
Hải Phòng**

**Tel: (84-225) 3823351
Website: <http://www.transco.com.vn>**

**Fax: (84-225) 3822155
Email: transco@transco.com.vn**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

Hải Phòng, ngày 15/04/2024

MỤC LỤC

I) Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

II) Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

III) Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

IV) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

V) Quản trị Công ty

VI) Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2024

Mã chứng khoán : TJC

Tên công ty niêm yết : Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại
- Tên tiếng Anh : Transportation and Trading services joint stock company
- Tên viết tắt : Transco
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200387594
- Vốn điều lệ: 86.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 86.000.000.000 đồng
- Trụ sở giao dịch : Số 05 lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
- Điện thoại : (84 - 225) 3842565 Fax : (84-225) 3822155
- Email : transco@transco.com.vn Website : www.transco.com.vn
- Mã cổ phiếu: TJC

* Quá trình hình thành và phát triển:

a. Việc thành lập

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại tiền thân là Xí nghiệp dịch vụ - vận tải hàng hoá và hành khách trực thuộc Công ty vận tải biển III, thành viên của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

b. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Công ty được cổ phần hoá theo Quyết định số 3827/1999/QĐ-BGTVT ngày 30/12/1999 của Bộ Giao thông vận tải và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 số 0200387594 ngày 05 tháng 02 năm 2024. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2000 với vốn điều lệ 4 tỷ đồng trong đó vốn Nhà nước do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam làm đại diện chiếm 30%, vốn của các cổ đông khác chiếm 70%. Từ tháng 5/2015 đến nay vốn điều lệ của Công ty là 86 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/12/2024 vốn của cổ đông chi phối là Công ty CP Transimex chiếm 57,46%, vốn Nhà nước do Tổng công

ty Hàng hải Việt Nam - Công ty cổ phần làm đại diện chiếm 33,49%, vốn của các cổ đông nhỏ lẻ khác chiếm 9,05%.

c. Niêm yết

Ngày 12 tháng 12 năm 2007 Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp giấy chứng nhận số 368/ ĐKGD cho phép Công ty “ được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2007” với mã chứng khoán TJC.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch lần đầu tiên vào ngày 17 tháng 12 năm 2007.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề
1	5012 (Chính)	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
2	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
3	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
4	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
6	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
7	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
8	5224	Bốc xếp hàng hóa
9	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
10	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
11	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
12	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động
13	8292	Dịch vụ đóng gói

14	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
----	------	---

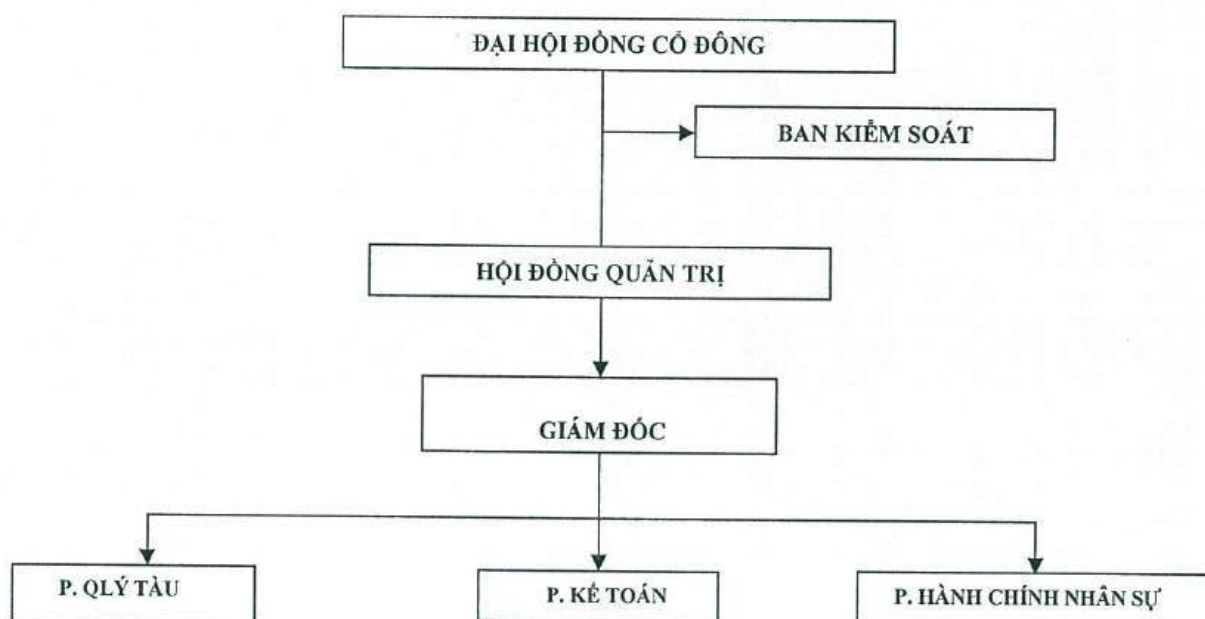
b. Địa bàn kinh doanh:

Vận tải hàng hóa giữa các cảng trong nước, giữa cảng trong nước và quốc tế, giữa các cảng quốc tế. Các tàu của Công ty chủ yếu hoạt động ở khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty trong năm 2024 như sau:

- Hội đồng quản trị : gồm 05 thành viên
- Ban kiểm soát : gồm 03 thành viên
- Ban Giám đốc : 01 Giám đốc.
 - Khối quản lý : gồm 03 phòng ban chức năng
 - + Phòng Quản lý tàu
 - + Phòng Kế toán
 - + Phòng Hành chính – Nhân sự



4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Về kinh doanh vận tải biển: Công ty đang có kế hoạch đầu tư tàu container mới để chuyển hướng sang hoạt động vận tải hàng container . Với mối quan hệ với các khách hàng truyền thống vận chuyển hàng nội địa, xuất nhập khẩu theo tuyến Đông Nam á, Đông Bắc Á, Công ty có định hướng thuê tàu định hạn để vận chuyển các nguồn hàng truyền thống nói trên.

- Tiếp tục kinh doanh lĩnh vực cho thuê Toà nhà văn phòng tại Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Số 5 lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển thành doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải có trình độ và năng lực cạnh tranh quốc tế, cung cấp các dịch vụ vận tải biển và giao nhận hàng hoá có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước trong đó kinh doanh vận tải biển là chủ lực.

- Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ hàng hải và vận tải, tiến tới xây dựng mô hình kinh doanh dịch vụ khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá.

- Bên cạnh việc khai thác toà nhà Transco, Công ty sẽ tập trung triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh mới như : thuê sà lan vận chuyển vỏ container giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng và phía Bắc; cung cấp dịch vụ vận chuyển container nội địa.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội , cộng đồng)

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của đội tàu, không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, sử dụng hiệu quả nguồn nhiên liệu, giảm thiểu tối đa chất thải vào môi trường, đảm bảo môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo thu nhập và môi trường làm việc tốt cho cán bộ công nhân viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Luôn duy trì các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, ủng hộ các vùng bị thiên tai lũ lụt... nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của cán bộ công nhân viên với cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

5. Các rủi ro:

a) Rủi ro kinh doanh:

Năm 2024 Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp văn phòng cho thuê, nhưng đang phải đối mặt với sự cạnh

tranh từ các doanh nghiệp trong cùng địa bàn. Bất ổn kinh tế đã và đang ảnh hưởng đến nhu cầu văn phòng của các doanh nghiệp khi khách thuê ngày càng quan tâm hơn đến chi phí. Với nguồn cung mới dồi dào, thị trường dự kiến sẽ thuận lợi cho khách thuê trong thời gian tới với giá thuê ổn định và có xu hướng giảm nhẹ. Áp lực này buộc công ty phải có chính sách đầu tư hợp lý để nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời phát triển chiến lược mở rộng quy mô hoạt động nhằm cải thiện khả năng tài chính, nâng cao hiệu quả cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh.

b) Rủi ro bất khả kháng:

Các rủi ro như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... và những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên đánh giá nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 đã được kiểm toán :

- Doanh thu thuần : 3.344.928.808 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.703.640.168 đồng

Bảng 1 : So sánh tình hình thực hiện năm 2024 với kế hoạch năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh TH năm với (%)	
					KH năm 2024	TH cùng kỳ năm 2023
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	44.804	3.344	7.46%	5.10%
1.1	Cho thuê văn phòng	Tr.đồng	2.810	2.215	78.82%	-
1.2	Đội xe container	Tr.đồng	594	594	100%	8.74%
1.3	Thuê tàu ngoài	Tr.đồng	40.800	-	-	-
1.3	Doanh thu khác	Tr.đồng	600	535	89.16%	-
2	Tổng sản lượng					
2.1	Vận tải biển	Tấn	105.000	-	-	-
2.2	Đội xe container	Teu	237	237	100%	-
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.476	2.703	60.38%	5.39%
3.1	Cho thuê văn phòng	Tr.đồng	(1.045)	(3.820)	-	-
3.2	Đội xe container	Tr.đồng	(556)	(550)	-	-
3.3	Thuê tàu ngoài	Tr.đồng	500	-	-	-

3.4	Hoạt động khác	Tr.đồng	377	237	62.86%	-
3.5	Hoạt động tài chính	Tr.đồng	5.200	7.146	137.42%	-
3.6	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	-	(310)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.581	2.154	60.15%	5.38%
4.1	Tỷ lệ LN sau thuế/ tổng doanh thu	%	8	64.41	805%	105%
4.2	Tỷ lệ LN sau thuế/ vốn điều lệ	%	4,16	2,5	60%	5.37%
4.3	Cổ tức / Cổ phiếu (%/vốn điều lệ)	%	-	-	-	-

Năm 2024 hoạt động kinh doanh chính của Công ty chỉ còn là kinh doanh cho thuê văn phòng. Đến 31/12/2024 tỷ lệ lấp đầy đạt 100% tổng diện tích cho thuê. Hoạt động thuê tàu ngoài chưa triển khai được như kế hoạch do khách hàng có hàng truyền thống là than và thạch cao đã tạm dừng kế hoạch xuất khẩu. Chính vì vậy tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 chỉ đạt 3,34 tỷ đồng, sụt giảm 94,8% so với năm 2023 do năm trước Công ty có hoạt động kinh doanh chính là vận tải biển quốc tế và vận tải xe đầu kéo container đường bộ, là hoạt động có doanh thu lớn hơn rất nhiều so với hoạt động cho thuê văn phòng. Giá vốn hàng bán là 2,68 tỷ đồng, giảm 96% so với năm trước. Doanh thu hoạt động tài chính năm nay đạt 7,1 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 đạt 3,01 tỷ đồng, trong khi năm trước lỗ 5,5 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2024 đạt 2,7 tỷ đồng (chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động tài chính), trong khi đó tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 là 50,08 tỷ đồng do năm 2023 Công ty thu được khoản lợi nhuận khác từ hoạt động bán thanh lý tàu Transco Glory với số tiền hơn 55 tỷ đồng. Từ những nguyên nhân trên nên kết thúc năm 2024, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 2,7 tỷ đồng, giảm 94,6% so với năm 2023 và chỉ đạt 60% kế hoạch năm đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

* Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

a. Ông **Lê Tất Hưng** - Giám đốc điều hành

- Sinh ngày : 20/04/1964

- Giới tính : Nam

- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số điện thoại : 0913244180
- Số CCCD : 031064007612
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty
- Nơi ở hiện nay : Tổ dân phố 11, Phường Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1988 đến tháng 06/2002 : công tác tại Công ty vận tải biển III (Vinaship), kiêm uỷ viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại.
 - + Từ tháng 6/2002 đến 12/10/2009 : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
 - + Từ 12/10/2009 đến 29/06/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
 - + Từ 29/06/2020 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 176.000 cổ phần

b. Bà Trần Thị Thanh Nhạn - Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 08/12/1974
- Giới tính : Nữ
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số CMTND : 031174002252
- Số điện thoại : 0904423988
- Nơi ở hiện nay : Số 138 Lô 9 mở rộng đường Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng.
- Quá trình công tác :
 - + Từ 1996 - tháng 5/2001 : Cán bộ kế toán Công ty vận tải biển III.
 - + Từ tháng 5/2001 - 10/2004 : Cán bộ kế toán Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và TM.
 - + Từ tháng 11/2004 - 01/2017 : Phó phòng kế toán Cty CP dịch vụ vận tải và TM
 - + Từ tháng 02/2017 - 04/2018: Trưởng phòng kế toán Cty CP dịch vụ vận tải và TM
 - + Từ tháng 5/2018 đến nay: Kế toán trưởng Cty CP dịch vụ vận tải và TM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính kế toán
- Số cổ phần nắm giữ : 7.500 cổ phần.

***Tình hình biến động nhân sự của Ban điều hành :** không có

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

- Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty tính đến 31/12/2024 là 11 người đều là khối quản lý.

- Chính sách đối với người lao động :

+ Chế độ làm việc : Người lao động trong công ty đều có hợp đồng theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày / tuần và 8 giờ/ ngày.

+ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi : Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Quy chế lương của Công ty xây dựng trên cơ sở khuyến khích tối đa mức độ đóng góp của nhân viên. Hằng năm, Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: chưa có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	197.510.925.757	178.268.012.293	-9,74
Doanh thu thuần	65.445.578.051	3.344.928.808	-94,9
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.584.720.035)	3.013.337.545	
Lợi nhuận khác	55.665.746.462	(309.697.377)	
Lợi nhuận trước thuế	50.081.026.427	2.703.640.377	-94,6
Lợi nhuận sau thuế	40.024.902.926	2.154.707.957	-92,1

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	9,59	79,59	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	9,58	79,54	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,08	0,0001	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,0001	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán			
<u>Hàng tồn kho bình quân</u>	22,17	24,35	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,33	0,018	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,61	0,006	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,012	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,20	0,012	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	-0,08	0,9	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 8.600.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Chi tiết về cơ cấu cổ đông tính đến ngày 13/11/2024:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	8.571.020	85.710.200.000	99,66	28.980	359.800.000	0,34	8.600.000	86.000.000.000	100
1. Cổ đông Nhà nước	2.880.000	28.800.000.000	33,49	0	0	0	2.880.000	28.800.000.000	33,49
2. Cổ đông đặc biệt	183.500	1.835.500.000	2,13	0	0	0	183.500	2.906.200.000	2,13
- Hội đồng quản trị	0	0	0				0	0	0
- Ban giám đốc	176.000	1.760.000.000	2,04				176.000	1.760.000.000	2,04
- Ban kiểm soát	0	0	0				0	0	0
- Kế toán trưởng	7.500	75.000.000	0,08				7.500	75.000.000	0,08
3. Cổ đông trong công ty:	1.200	12.000.000	0,01	0	0	0	1.200	12.000.000	0,01
- Tổ chức	0	0	0				0	0	0
- Cán bộ công nhân viên	1.200	88.200.000	0,01				1.200	88.200.000	0,01
4. Cổ đông ngoài công ty:	5.506.320	55.063.200.000	64,03	28.980	359.800.000	0,34	5.535.300	55.353.000.000	64,37
- Cá nhân	561.773	5.617.730.000	6,53	22.780	347.800.000	0,26	584.553	5.845.530.000	6,79
- Tổ chức	4.944.547	49.445.470.000	57,50	6.200	12.000.000	0,08	4.950.747	49.507.470.000	57,58
II. Cổ phiếu quỹ									

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	8.571.020	85.710.200.000	99,66	28.980	359.800.000	0,34	8.600.000	86.000.000.000	100
1.Cổ đông sáng lập	245.840	2.458.400.000	2,86	0	0	0	245.840	2.458.400.000	2,86
2. Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	7.821.360	78.213.360.000	91	0	0	0	7.821.360	78.213.360.000	91
3. Cổ đông nắm giữ từ 1% - 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	176.000	1.760.000.000	2,04	0	0	0	176.000	1.760.000.000	2,04
4.. Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	327.820	3.278.200.000	3,81	28.980	359.800.000	0,34	356.800	3.568.000.000	4,1

- Chi tiết về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% :

1. Tên cổ đông: Công ty cổ phần Transimex

+ Số cổ phần nắm giữ đến 31/12/2024: 4.941.360 cổ phần. Tỷ lệ nắm giữ: 57,46%.

+ Số giấy phép đăng ký kinh doanh : 0301874259 - Sở Kế hoạch Đầu tư TPHCM cấp ngày 29/04/2016.

+ Địa chỉ : Lầu 9 - 10, 172 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Quận 1, TPHCM.

2. Tên cổ đông : Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty cổ phần

+ Số cổ phần nắm giữ đến 31/12/2024 : 2.880.000 cổ phần. Tỷ lệ nắm giữ: 33,49%

+ Số giấy phép đăng ký kinh doanh : 0100104595 - Sở Kế hoạch Đầu tư Hà nội cấp ngày 18/08/2020

+ Địa chỉ :Toà nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Đống Đa - Hà Nội

+ Người đại diện : Bà Phạm Thị Anh Thư -Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh nơi làm việc, do đó Công ty không bị xử phạt trong các vấn đề liên quan đến môi trường.

6.2 Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2024 là 11 người đều thuộc khối quản lý. Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật lao động và các quy định khác của pháp luật.

a) Chính sách lương:

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trên toàn Công ty. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh. Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động, đồng thời có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Công ty luôn trả lương đầy đủ và đúng thời hạn quy định và trả lương cho chức danh thấp nhất không thấp hơn mức

lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Lương bình quân trong năm 2024 là 16.3 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên, thuyền viên gia tăng hiệu quả đóng góp, Hội đồng sáng kiến đưa ra chính sách thưởng hàng năm, thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tìm kiếm nguồn hàng mới, khai thác tuyến mới có hiệu quả kinh doanh cao, có thành tích chống lãng phí, tiêu cực.

c) Chính sách khác:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và các chế độ khác đối với người lao động. Định kỳ hàng năm Công ty tổ chức cho CBCNV đi khám sức khoẻ 01 lần. Kết hợp với Ban chấp hành công đoàn luôn quan tâm, chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên, cải thiện điều kiện lao động. Ngoài ra Ban giám đốc Công ty có chế độ thưởng nhân dịp các ngày lễ, tết như 30/4, 2/9, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, đồng thời kết hợp với công đoàn hàng năm tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, nghỉ mát.

d) Hoạt động đào tạo người lao động:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước vào năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác đội xe container và cho thuê văn phòng tại tòa nhà Transco. Tuy nhiên, thực hiện nghị quyết của HĐQT, Công ty đã bán thanh lý toàn bộ đội xe container, chấm dứt việc kinh doanh khai thác đội xe từ đầu tháng 02/2024. Nhờ sự nỗ lực tìm kiếm khách hàng, Ban điều hành đã lấp đầy diện tích cho thuê văn phòng tại tòa nhà Transco trong quý IV/2024. Tuy nhiên, giá cho thuê văn phòng (dự kiến trong 3 năm đầu) vẫn ở mức thấp. Hoạt động thuê tàu ngoài chưa triển khai được như kế hoạch do khách hàng có hàng truyền thống là than và thạch cao đã tạm dừng kế hoạch xuất

khẩu. Chính vì vậy tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 chỉ đạt 3,34 tỷ đồng, giảm 94,8% so với năm 2023 do năm trước Công ty có hoạt động kinh doanh chính là vận tải biển quốc tế và vận tải xe đầu kéo container đường bộ, là hoạt động có doanh thu lớn hơn rất nhiều so với hoạt động cho thuê văn phòng. Giá vốn hàng bán là 2,68 tỷ đồng, giảm 96% so với năm trước. Doanh thu hoạt động tài chính năm nay đạt 7,1 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 đạt 3,01 tỷ đồng (chủ yếu là doanh thu hoạt động tài chính), trong khi năm 2023 lỗ 5,5 tỷ đồng. Kết thúc năm 2024, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 2,7 tỷ đồng, giảm 94,6% so với năm trước (Do quý 4/2023 Công ty thu được khoản lợi nhuận khác từ hoạt động bán thanh lý tàu Transco Glory với số tiền hơn 55 tỷ đồng).

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 :

+ Tổng giá trị tài sản	:	178.268.012.293 đồng
Trong đó : - Tài sản ngắn hạn	:	136.896.926.111 đồng
- Tài sản dài hạn	:	41.371.086.182 đồng

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 178 tỷ đồng, giảm 19 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó tài sản ngắn hạn là 137 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 77% tổng tài sản, giảm 18 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Tài sản dài hạn là 41 tỷ đồng, chiếm 23% tổng tài sản, giảm 1 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu tài sản chính như sau:

- Tài sản cố định là 11,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,2% tổng tài sản.
- Bất động sản đầu tư là 29,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,7% tổng tài sản.
- Tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng là 124 tỷ đồng, chiếm 69% tổng tài sản.

b) Tình hình nợ phải trả:

+ Tổng nguồn vốn	:	178.268.012.293 đồng
Trong đó: - Nợ phải trả	:	2.501.059.408 đồng
- Vốn chủ sở hữu	:	175.766.952.885 đồng

Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2024 là 178 tỷ đồng, giảm 19 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, trong đó: Nợ phải trả (nợ ngắn hạn) là 2,5 tỷ đồng, chiếm tỷ

trọng 1,4% tổng nguồn vốn. Công ty không có khoản nợ vay Ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Nhìn chung Công ty đều thanh toán các khoản nợ cho khách hàng tương đối đều đặn và ổn định theo đúng quy định trong hợp đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Nhằm đáp ứng định hướng phát triển và tình hình kinh doanh mới, trong năm 2024, Công ty đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự và tiền lương. Cụ thể:

- Đàm phán, thỏa thuận và giải quyết chế độ thôi việc cho 06 lao động thuộc diện tinh giản biên chế theo chủ trương của HĐQT, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Tổng số CBCNV đến ngày 31/12/2024 là 11 người.

- Hoàn tất thủ tục giải thể Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh vào tháng 6/2024.

- Ra quyết định giải thể Phòng Kinh doanh.

- Ra quyết định đổi tên Phòng Nhân chính thành Phòng Hành chính và Nhân sự.

- Xây dựng thang bảng lương mới phù hợp với tính chất, yêu cầu của từng vị trí sau khi sắp xếp lại nhân sự.

- Ban hành quy định và bảng phân cấp phân quyền trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, BDH đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh lại nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, nhằm đáp ứng điều kiện hoạt động thực tế hiện nay của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Bên cạnh khai thác tòa nhà Transco, Công ty sẽ tập trung triển khai các hoạt động SXKD mới cho Công ty như: thuê xà lan vận chuyển vỏ container giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng và phía Bắc; cung cấp dịch vụ vận chuyển container nội địa.

- Tập trung tìm kiếm phương án đầu tư tàu biển phù hợp để phát triển đội tàu theo định hướng vận chuyển hàng container, phát triển thương hiệu Transco trên bản đồ hàng hải thế giới. BDH sẽ lập dự án đầu tư một tàu biển để trình HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua khi có kế hoạch cụ thể.

Dựa trên tình hình thực tế, Công ty xây dựng kế hoạch năm 2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025
I	Cho thuê tòa nhà văn phòng tòa nhà Transco		
1	Doanh thu	Tr.đồng	3.963
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(2941)
II	Vận chuyển container cho hàng tàu		
1	Doanh thu	Tr.đồng	1300
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	176
III	Thuê tàu ngoài		
1	Doanh thu	Tr.đồng	14.400
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	400
IV	Dịch vụ khai thác container nội địa		
1	Doanh thu	Tr.đồng	2000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	120
V	Tổng cộng (I + ... +IV)		
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	21.663
2	Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty	Tr.đồng	3.635
2.1	<i>Lợi nhuận trước thuế từ HĐSXKD</i>	Tr.đồng	(2245)
	- Cho thuê văn phòng tòa nhà	Tr.đồng	(2941)
	- Vận chuyển container của hãng tàu	Tr.đồng	176
	- Thuê tàu ngoài	Tr.đồng	400
	- Dịch vụ khai thác container nội địa.	Tr.đồng	120
2.2	<i>Hoạt động tài chính (lãi tiền gửi)</i>	Tr.đồng	5.880
3	Cổ tức dự kiến		
4	Trích lập các quỹ: - Quỹ đầu tư phát triển - Quỹ phúc lợi, khen thưởng	Tr.đồng	Không trích lập các quỹ

*** Các giải pháp thực hiện:**

- Tiếp tục làm việc với các khách hàng truyền thống để ký các hợp đồng vận chuyển có khối lượng hàng ổn định từ đó xây dựng phương án thuê tàu phù hợp trình HĐQT phê duyệt.

- Tuyển dụng thêm nhân sự để triển khai các hoạt động SXKD mới cho Công ty như: thuê xà lan vận chuyển vỏ container giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng và phía Bắc; cung cấp dịch vụ vận chuyển container nội địa.

- Tiếp tục cơ cấu bộ máy tổ chức phòng ban, nhân sự theo hướng tin giảm cho phù hợp với quy mô hoạt động và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của công ty. Công ty sẽ đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

* Về sản xuất kinh doanh:

a) Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự đồng thuận của các cổ đông; sự hỗ trợ, giúp đỡ của cổ đông chi phối là Công ty CP Transimex và cổ đông lớn là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam trong mọi kế hoạch, mục tiêu đề ra.

- Sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực, cố gắng, đoàn kết nhất trí cao trong thực hiện của Ban điều hành và tập thể CBCNV Công ty.

b) Khó khăn:

- Kế hoạch thuê tàu ngoài để vận chuyển các mặt hàng truyền thống như than xuất khẩu và thạch cao nhập khẩu không thực hiện được do nhu cầu vận chuyển của khách hàng giảm mạnh, hầu như không phát sinh từ đầu năm đến nay. Số lượng hàng hóa không đủ để thực hiện mỗi tháng một chuyến nên không thể thuê được tàu chuyên tuyến. Khi khách hàng có nhu cầu đột xuất, việc giao dịch thuê tàu trọng tải 7-8 nghìn tấn gặp nhiều khó khăn vì các tàu này ưu tiên vận chuyển các mặt hàng có giá trị cao hơn như gạo, phân bón, sắt thép và xi măng. Hơn nữa, việc Công ty không còn đội tàu riêng đã làm mất đi sự chủ động trong việc bố trí tàu phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

- Giá cho thuê văn phòng vẫn đang ở mức thấp chưa đem lại lợi nhuận cho Công ty.

Đánh giá chung năm 2024, hoạt động SXKD chính của Công ty bị thu hẹp, tập trung vào cho thuê văn phòng nhưng chưa mang lại lợi nhuận. Các kế hoạch mở rộng SXKD chưa triển khai hiệu quả, dẫn đến tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Công ty không đạt được kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua.

* Về công tác nhân sự, lao động:

Đảm bảo thu nhập của người lao động được ổn định, bên cạnh đó tinh giản bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả.

* Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn đảm bảo tính chính xác và trung thực, thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách kế toán tài chính hiện hành.

2) Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc:

Công tác chỉ đạo kinh doanh của Ban giám đốc luôn theo sát kế hoạch và phương hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tế. Ban giám đốc làm việc tích cực, làm việc có trách nhiệm, luôn bám sát các công việc hàng ngày, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Ban điều hành đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Đã hoàn thiện và đưa vào hoạt động tòa nhà văn phòng và cho thuê (Tòa nhà Transco) theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT.

- Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chuẩn bị nguồn vốn đối ứng để đầu tư.

- Về cơ bản, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã triển khai kịp thời các chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do tình hình thị trường vận tải biển rất xấu và các nguyên nhân khách quan, chủ quan đã nêu ở trên nên không thực hiện được kế hoạch.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 người trong đó số thành viên không điều hành 04 người, 01 Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty.

- a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2024:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	SỐ CP ĐẠI DIỆN CHO TỔ CHỨC	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Lê Phúc Tùng	094071000834	Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0
2	Lê Tất Hưng	031064007612	Ủy viên HĐQT/Giám đốc Công ty	176.000	0	2,05%	0
3	Nguyễn Văn Tuấn	031075012376	Ủy viên TT HĐQT	0	0	0	0
4	Phạm Thị Anh Thư	030802311	Ủy viên HĐQT/Đại diện vốn của TCT Hàng hải VN	0	2.880.000	33,49%	0
5	Tạ Mạnh Cường	031065003949	Ủy viên HĐQT	0	0	0	0

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị họp định kỳ 3 tháng/ lần, tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đưa ra phương hướng kế hoạch cho quý sau. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành căn cứ nhiệm vụ được phân công chỉ đạo công tác điều hành trong các lĩnh vực kỹ thuật, an toàn hàng hải, nhân sự, tài chính, kinh doanh. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm việc trên tinh thần khách quan, vô tư, cùng hướng tới mục tiêu chung vì lợi ích của Công ty.

- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị Công ty: không có

2. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 người trong đó có 01 trưởng ban kiểm soát và 02 ủy viên.

- a) Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2024:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	SỐ CP ĐẠI DIỆN CHO TỔ CHỨC	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VÓ N GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Vũ Thị Hậu	033188001977	Trưởng ban kiểm soát	0	0	0%	0
2	Mai Trọng Tài	040087027720	Ủy viên BKS	0	0	0%	0
3	Dương Thanh Hà	017178000314	Ủy viên BKS	0	0	0%	0

b) Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ hàng quý kiểm tra tính hợp lý hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý:

* Thù lao HĐQT, ban kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 như sau:

+ Chủ tịch HĐQT:	5.000.000 đồng/tháng
+ Thành viên HĐQT:	3.000.000đ/người/tháng
+ Trưởng ban kiểm soát:	3.000.000đ/người/tháng
+ Thành viên ban kiểm soát:	2.500.000đ/người/tháng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP NĂM 2024 (VND)
I	Hội đồng quản trị		
1	Lê Phúc Tùng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2	Phạm Thị Anh Thu	Phó chủ tịch HĐQT	36.000.000
3	Lê Tất Hưng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	651.769.618
4	Tạ Mạnh Cường	Ủy viên HĐQT	36.000.000
5	Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên HĐQT	36.000.000

II	Ban kiểm soát		
1	Vũ Thị Hậu	Trưởng BKS	36.000.000
2	Mai Trọng Tài	Ủy viên BKS	30.000.000
3	Dương Thanh Hà	Ủy viên BKS	30.000.000

* Chi phí hội họp, hoạt động khác của HĐQT: không trích.

* Các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : Không có

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan của cổ đông nội bộ :

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số nghị quyết/quyết định của HĐQT	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Transimex	Công ty CP Transimex là cổ đông chi phối	0301874259	Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, phường ĐaKao, TPHCM	Từ tháng 1 đến tháng 10/2024		Dịch vụ quản lý tàu Transimex Sun với giá trị giao dịch là 475.000.000 đồng (không bao gồm VAT)	
2	CN Công ty CP Transimex tại Hà Nội	Công ty CP Transimex là cổ đông chi phối	0301874259-001	Tầng 9-10-11 Toà nhà GrandBuiding, số 30-32 phố Hoà Mã, P Phạm Đình Hổ, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội	Từ tháng 1 đến tháng 12/2024		Bán thanh lý 05 xe đầu kéo container +05 romooc, dịch vụ cho thuê văn phòng với tổng giá trị giao dịch 4.733.514.054 đồng (không bao gồm VAT)	
3	CN Công ty CP Transimex tại Hải Phòng	Công ty CP Transimex là cổ đông chi phối	0301874259-002	Phòng 414 Toà nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông, P.Máy Tơ, Q.Ngô Quyền, HP	Từ tháng 1 đến tháng 12/2024		Dịch vụ cho thuê văn phòng với tổng giá trị giao dịch 98.300.128 đồng (không bao gồm VAT)	

4	CN Công ty CP Vinafreight tại Hải Phòng	Cùng là công ty con của Công ty CP Transimex	0302511219-002	Tầng 3A- Toà nhà Transco, số 5 lô 2B KĐT mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, P Đông Khê, Q Ngô Quyền, HP	Từ tháng 6/2024	Dịch vụ cho thuê văn phòng với tổng giá trị giao dịch 30.036.499 đồng (không bao gồm VAT)
5	Công ty CP Transimex Shipping	Cùng là công ty con của Công ty CP Transimex	0202185730	Tầng 6, số 5 lô 2B KĐT mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, P Đông Khê, Q Ngô Quyền, HP	Từ tháng 1 đến tháng 12/2024	Dịch vụ cho thuê văn phòng với tổng giá trị giao dịch 180.124.111 đồng (không bao gồm VAT)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị liên tục học hỏi, tham gia các lớp đào tạo để nâng cao năng lực quản trị Công ty, từ đó có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, nâng cao hiệu quả quản trị Công ty; Thường xuyên trao đổi, thảo luận với Ban điều hành để kịp thời hỗ trợ các công việc vận hành, quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và chấp thuận ý kiến toàn bộ. Toàn văn báo cáo kiểm toán năm 2024 được đính kèm báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Lê Tất Hùng

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2000, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán TJC theo Giấy Chứng nhận số 27/TTGDHN-ĐKGD do HNX cấp ngày 17 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 5 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đồng Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phúc Tùng	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Anh Thư	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hậu	Trưởng ban
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên
Bà Dương Thanh Hà	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ông Trần Trọng Tâm	Phó Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Lê Tất Hưng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 13651090/68430524

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh về giả định hoạt động liên tục đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 8 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Ngô Trần Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5629-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		136.896.926.111	155.024.001.516
110	I. Tiền	4	2.663.741.619	17.141.970.723
111	1. Tiền		2.663.741.619	17.141.970.723
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		121.200.000.000	65.100.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	121.200.000.000	65.100.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.156.399.983	61.382.770.363
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.490.088.969	60.842.352.298
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		143.275.317	720.399.690
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.966.752.847	1.224.245.380
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.443.717.150)	(1.404.227.005)
140	IV. Hàng tồn kho		83.458.284	137.016.104
141	1. Hàng tồn kho		83.458.284	137.016.104
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.793.326.225	11.262.244.326
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	365.934.456
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	10.739.291.073	10.894.309.870
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	54.035.152	2.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.371.086.182	42.486.924.241
220	I. Tài sản cố định		11.174.239.435	11.586.301.728
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	3.918.943.435	4.331.005.728
222	Nguyên giá		5.425.233.348	7.625.854.357
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.506.289.913)	(3.294.848.629)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	7.255.296.000	7.255.296.000
228	Nguyên giá		7.310.296.000	7.310.296.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(55.000.000)	(55.000.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	10	29.803.722.274	-
231	1. Nguyên giá		30.684.415.596	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(880.693.322)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	30.122.311.313
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	30.122.311.313
260	IV. Tài sản dài hạn khác		393.124.473	778.311.200
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	393.124.473	778.311.200
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		178.268.012.293	197.510.925.757

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.501.059.408	16.158.680.829
310	I. Nợ ngắn hạn		1.720.165.408	16.158.680.829
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	520.527.570	4.982.746.962
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	188.732.211	9.601.815.926
314	3. Phải trả người lao động		190.768.120	983.846.621
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	117.460.400	8.610.000
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	188.181.815	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	98.164.280	90.910.308
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	416.331.012	490.751.012
330	II. Nợ dài hạn		780.894.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	780.894.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		175.766.952.885	181.352.244.928
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	175.766.952.885	181.352.244.928
411	1. Vốn cổ phần		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.496.562.246	11.496.562.246
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		73.262.405.639	78.847.697.682
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		71.107.697.682	38.822.794.756
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		2.154.707.957	40.024.902.926
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		178.268.012.293	197.510.925.757

Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Lê Tắt Hưng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	3.344.928.808	65.445.578.051
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	3.344.928.808	65.445.578.051
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(2.684.702.462)	(68.611.018.965)
20	5. Lợi nhuận (lỗ) gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		660.226.346	(3.165.440.914)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	7.146.172.531	5.909.221.469
22	7. Chi phí tài chính		-	(35.879.358)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(103.285.630)	(981.603.204)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(4.689.775.702)	(7.311.018.028)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3.013.337.545	(5.584.720.035)
31	11. Thu nhập khác	22	630.000	55.899.123.498
32	12. Chi phí khác	22	(310.327.377)	(233.377.036)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(309.697.377)	55.665.746.462
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.703.640.168	50.081.026.427
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(548.932.211)	(9.558.047.703)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(498.075.798)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.154.707.957	40.024.902.926
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	18.4	251	4.654
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	18.4	251	4.654



Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Lê Tất Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.703.640.168	50.081.026.427
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	8, 9, 10	1.025.107.264	7.375.123.297
03	Các khoản dự phòng		39.490.145	386.918.360
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(122.806.284)	(81.795.979)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.937.109.865)	(60.569.100.169)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.291.678.572)	(2.807.828.064)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		5.169.989.285	(5.074.722.409)
10	Giảm hàng tồn kho		53.557.820	5.914.181.013
11	Giảm các khoản phải trả		(3.263.923.534)	(6.583.616.987)
12	Giảm chi phí trả trước		751.121.183	200.759.744
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(9.894.559.843)	(9.206.802.962)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.420.000)	(1.400.467.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(9.549.913.661)	(18.958.497.065)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(5.540.839.300)	(18.906.423.429)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		59.678.682.826	11.385.388.106
23	Tiền chi gửi tiết kiệm		(237.900.000.000)	(123.600.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi tiết kiệm		181.800.000.000	118.700.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		4.708.330.411	5.058.093.554
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.746.173.937	(7.362.941.769)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức đã trả	18	(7.740.000.000)	(10.320.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(7.740.000.000)	(10.320.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(14.543.739.724)	(36.641.438.834)
60	Tiền đầu năm		17.141.970.723	53.758.605.295
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		65.510.620	24.804.262
70	Tiền cuối năm	4	2.663.741.619	17.141.970.723



Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Lê Tấn Hưng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2000, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán TJC theo Giấy Chứng nhận số 27/TTGDHN-ĐKGD do HNX cấp ngày 17 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước; dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới và cung ứng tàu biển; cho thuê bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 5 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 11 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 29 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo :

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung .

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ - chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	50 năm
---------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 **Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.10 **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 **Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bằng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	77.680.953	47.746.591
Tiền gửi ngân hàng	2.586.060.666	17.094.224.132
TỔNG CỘNG	2.663.741.619	17.141.970.723

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	121.200.000.000	65.100.000.000

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc sáu (6) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,4%/năm đến 5,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	1.484.295.141	60.704.427.409
<i>Woongji Shipping Co., Ltd</i>	1.352.171.150	1.312.681.005
<i>Ima International Shipping S.A.</i>	-	57.117.134.404
<i>Công ty TNHH Khải Thừa Việt Nam</i>	-	604.670.000
<i>Khác</i>	132.123.991	1.669.942.000
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	5.793.828	137.924.889
TỔNG CỘNG	1.490.088.969	60.842.352.298
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	(1.443.717.150)	(1.404.227.005)
GIÁ TRỊ THUẦN	46.371.819	59.438.125.293

Tình hình tăng dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.404.227.005)	(1.017.308.645)
Dự phòng trích lập trong năm	(39.490.145)	(386.918.360)
Số cuối năm	(1.443.717.150)	(1.404.227.005)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	1.960.282.194	721.502.740
Tạm ứng	6.470.653	247.399.722
Khác	-	255.342.918
TỔNG CỘNG	1.966.752.847	1.224.245.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

				VND
	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	-	7.590.444.926	35.409.431	7.625.854.357
Đầu tư XD CB hoàn thành	3.998.780.281	-	-	3.998.780.281
Thanh lý	-	(6.199.401.290)	-	(6.199.401.290)
Số cuối năm	3.998.780.281	1.391.043.636	35.409.431	5.425.233.348
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	1.391.043.636	35.409.431	1.426.453.067
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	-	(3.259.439.198)	(35.409.431)	(3.294.848.629)
Khấu hao trong năm	(79.836.846)	(64.577.096)	-	(144.413.942)
Thanh lý	-	1.932.972.658	-	1.932.972.658
Số cuối năm	(79.836.846)	(1.391.043.636)	(35.409.431)	(1.506.289.913)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	4.331.005.728	-	4.331.005.728
Số cuối năm	3.918.943.435	-	-	3.918.943.435

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	7.255.296.000	55.000.000	7.310.296.000
Trong đó:			
Đã hao mòn hết:	-	55.000.000	55.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm và số cuối năm	-	(55.000.000)	(55.000.000)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm và số cuối năm	7.255.296.000	-	7.255.296.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

Tòa nhà văn phòng

Nguyên giá:

Số đầu năm	-
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	30.684.415.596
Số cuối năm	30.684.415.596

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	(880.693.322)
Số cuối năm	(880.693.322)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	-
Số cuối năm	29.803.722.274

Đây là tòa nhà văn phòng tại thửa đất số 5 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán dựa trên giá trị thị trường của bất động sản đầu tư.

Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:

VND

Năm nay

Năm trước

Thu nhập từ cho thuê	2.215.134.268	-
----------------------	---------------	---

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND

Số cuối năm

Số đầu năm

Công cụ, dụng cụ	393.124.473	778.311.200
------------------	-------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Atiko Trans, Inc	207.659.620	198.508.326
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Phòng cháy Chữa cháy Hải An	101.640.936	101.640.936
Cebu Asiana Logistics, Inc	82.763.522	79.116.239
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công trình Xây dựng Hải Phòng	75.617.711	-
Cty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hải Lộc	-	472.539.960
Khác	52.845.781	4.130.941.501
TỔNG CỘNG	520.527.570	4.982.746.962

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.894.309.870	513.321.589	(668.340.386)	10.739.291.073
Thuế thu nhập cá nhân	-	54.035.152	-	54.035.152
Khác	2.000.000	-	(2.000.000)	-
TỔNG CỘNG	10.896.309.870	567.356.741	(670.340.386)	10.793.326.225
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.534.359.843	548.932.211	(9.894.559.843)	188.732.211
Thuế thu nhập cá nhân	67.456.083	143.837.068	(211.293.151)	-
Thuế giá trị gia tăng	-	668.340.386	(668.340.386)	-
Khác	-	134.442.525	(134.442.525)	-
TỔNG CỘNG	9.601.815.926	1.495.552.190	(10.908.635.905)	188.732.211

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.000.000	-
Chi phí tiện ích	27.460.400	8.610.000
TỔNG CỘNG	117.460.400	8.610.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho thuê văn phòng	188.181.815	-

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	98.164.280	90.910.308
Bảo hiểm xã hội	13.427.684	34.263.316
Khác	84.736.596	56.646.992
Dài hạn	780.894.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	780.894.000	-
TỔNG CỘNG	879.058.280	90.910.308
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>694.738.280</i>	<i>90.910.308</i>
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>184.320.000</i>	<i>-</i>

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	490.751.012	1.044.242.187
Trích lập	-	846.976.225
Sử dụng quỹ	(74.420.000)	(1.400.467.400)
Số cuối năm	416.331.012	490.751.012

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Năm trước						
Số đầu năm	86.000.000.000	5.007.985.000	9.028.443.507	-	52.457.889.720	152.494.318.227
Trích quỹ	-	-	2.468.118.739	846.976.225	(3.315.094.964)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(846.976.225)	-	(846.976.225)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(10.320.000.000)	(10.320.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	40.024.902.926	40.024.902.926
Số cuối năm	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	-	78.847.697.682	181.352.244.928
Năm nay						
Số đầu năm	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	-	78.847.697.682	181.352.244.928
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(7.740.000.000)	(7.740.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.154.707.957	2.154.707.957
Số cuối năm	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	-	73.262.405.639	175.766.952.885

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 4 năm 2024, các cổ đông của Công ty đã thống qua việc chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ là 9% trên mệnh giá, với tổng số tiền là 7.740.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	86.000.000.000	86.000.000.000
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	7.740.000.000	10.320.000.000

18.3 Cổ phiếu

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000

18.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lợi nhuận cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.154.707.957	40.024.902.926
Điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.154.707.957	40.024.902.926
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản (VND/cổ phiếu)	251	4.654
Lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	251	4.654

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2023 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	3.344.928.808	65.445.578.051
Trong đó:		
Doanh thu từ cho thuê	2.215.134.268	-
Doanh thu hoạt động vận tải	1.074.240.000	7.503.217.803
Doanh thu bán hàng hóa	55.554.540	2.061.194.001
Doanh thu cước phí vận chuyển nước ngoài	-	55.881.166.247
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	3.344.928.808	65.445.578.051
Trong đó:		
Các bên khác	1.963.282.107	64.424.916.679
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.381.646.701	1.020.661.372

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	5.947.109.865	4.859.073.006
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.199.062.666	1.050.148.463
TỔNG CỘNG	7.146.172.531	5.909.221.469

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hoạt động cho thuê	1.740.718.130	-
Giá vốn hoạt động vận tải	890.426.512	6.804.842.214
Giá vốn của hàng hóa đã bán	53.557.820	2.166.656.148
Giá vốn của cước phí vận chuyển nước ngoài	-	59.639.520.603
TỔNG CỘNG	2.684.702.462	68.611.018.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	103.285.630	981.603.204
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	103.285.630	981.603.204
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.689.775.702	7.311.018.028
Chi phí nhân công	3.335.039.524	5.060.491.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	585.845.997	965.437.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.706.842	17.791.213
Chi phí khác	636.183.339	1.267.297.446
TỔNG CỘNG	4.793.061.332	8.292.621.232

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	630.000	55.899.123.498
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	55.710.027.163
Khác	630.000	189.096.335
Chi phí khác	(310.327.377)	(233.377.036)
Lỗ từ thanh lý tài sản	(308.195.726)	-
Khác	(2.131.651)	(233.377.036)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(309.697.377)	55.665.746.462

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	3.489.471.374	16.382.905.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.898.210.106	13.283.009.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
(Thuyết minh số 8, 9, 10)	1.025.107.264	7.375.123.297
Chi phí nguyên vật liệu	309.877.999	37.424.023.322
Chi phí khác	755.097.051	2.438.578.590
TỔNG CỘNG	7.477.763.794	76.903.640.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	548.932.211	9.534.359.843
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	23.687.860
Chi phí thuế TNDN hiện hành	548.932.211	9.558.047.703
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	498.075.798
TỔNG CỘNG	548.932.211	10.056.123.501

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.703.640.168	50.081.026.427
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	540.728.034	10.016.205.285
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	34.026.330	33.658.506
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	23.687.860
Khác	(25.822.153)	(17.428.150)
Chi phí thuế TNDN	548.932.211	10.056.123.501

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Mối quan hệ	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Transimex ("Transimex")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Transimex Shipping ("Transimex Shipping")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight ("Vinafreight")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam) ("Nippon Express")	Công ty liên kết của công ty mẹ
Ông Lê Phúc Tùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Phạm Thị Anh Thư	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT
Bà Vũ Thị Hậu	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Dương Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Transimex	Thanh lý tài sản cố định	4.266.428.632	-
	Chia cổ tức	4.182.984.000	-
	Cung cấp dịch vụ	984.831.010	851.501.372
	Nhận đặt cọc	115.200.000	-
	Bán hàng hóa	55.554.540	-
	Mua dịch vụ	-	12.430.000
Transimex Shipping	Cung cấp dịch vụ	152.637.040	-
Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	180.124.111	-
	Nhận đặt cọc	69.120.000	-
Nippon Express	Cung cấp dịch vụ	8.500.000	169.160.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Transimex	Cung cấp dịch vụ	4.886.421	128.626.089
Transimex Shipping	Cung cấp dịch vụ	907.407	-
Nippon Express	Cung cấp dịch vụ	-	9.298.800
		5.793.828	137.924.889
Phải trả dài hạn khác			
Transimex	Nhận đặt cọc	115.200.000	-
Vinafreight	Nhận đặt cọc	69.120.000	-
		184.320.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Phúc Tùng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	40.000.000
Bà Phạm Thị Anh Thư	Phó chủ tịch HĐQT	36.000.000	46.000.000
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên HĐQT, Giám đốc	651.769.618	855.704.000
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	36.000.000	39.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	36.000.000	24.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	-	22.000.000
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên HĐQT (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	-	19.000.000
Ông Trần Trọng Tâm	Thành viên Ban Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)	-	380.560.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên Ban Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2023)	-	320.800.000
Ông Phạm Duy Văn	Thành viên Ban Giám đốc (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	-	370.300.000
Bà Vũ Thị Hậu	Thành viên BKS	36.000.000	24.000.000
Bà Dương Thanh Hà	Thành viên BKS	30.000.000	20.000.000
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên BKS	30.000.000	27.000.000
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên BKS (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	-	9.000.000
Ông Lê Hồng Quang	Thành viên BKS (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	-	18.000.000
		915.769.618	2.215.364.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cho thuê	Kinh doanh dịch vụ vận tải	Cước phí vận chuyển nước ngoài	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.215.134.268	1.129.794.540	-	3.344.928.808
Doanh thu bộ phận	2.215.134.268	1.129.794.540	-	3.344.928.808
Chi phí bộ phận	(1.740.718.130)	(943.984.332)	-	(2.684.702.462)
Lợi nhuận trước thuế của bộ phận	474.416.138	185.810.208	-	660.226.346
Chi phí không phân bổ				(4.793.061.332)
Chi phí khác				(309.697.377)
Thu nhập tài chính				7.146.172.531
Lợi nhuận thuần trước thuế				2.703.640.168
Chi phí thuế TNDN				(548.932.211)
Lợi nhuận sau thuế				2.154.707.957
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	37.498.514.566	-	-	37.498.514.566
Tài sản không phân bổ				140.769.497.727
Tổng cộng tài sản				178.268.012.293
Công nợ bộ phận	993.237.516	-	-	993.237.516
Công nợ không phân bổ				1.507.821.892
Tổng cộng công nợ				2.501.059.408

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận (lỗ) và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

	Cho thuê	Kinh doanh dịch vụ vận tải	Cước phí vận chuyển nước ngoài	Tổng cộng
				VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	9.564.411.804	55.881.166.247	65.445.578.051
Doanh thu bộ phận	-	9.564.411.804	55.881.166.247	65.445.578.051
Chi phí bộ phận (Lỗ) lợi nhuận trước thuế của bộ phận	-	(8.971.498.362)	(59.639.520.603)	(68.611.018.965)
Chi phí không phân bổ	-	(3.758.354.356)	592.913.442	(3.165.440.914)
Thu nhập tài chính				(8.292.621.232)
Thu nhập khác				5.873.342.111
				55.665.746.462
Lợi nhuận trước thuế				50.081.026.427
Chi phí thuế TNDN				(10.056.123.501)
Lợi nhuận sau thuế				40.024.902.926
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tài sản và công nợ				103.425.921.870
Tài sản bộ phận	-	45.925.609.199	57.500.312.671	94.085.003.887
Tài sản không phân bổ				197.510.925.757
Tổng cộng tài sản				
Công nợ bộ phận	-	1.962.213.061	3.060.619.322	5.022.832.383
Công nợ không phân bổ				11.135.848.446
Tổng cộng công nợ				16.158.680.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Lê Tấn Hưng
Giám đốc



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn